

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 3354/2017/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng
bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 2176/SGTVT-KHTC ngày 05/7/2017, Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 2727/STC-QLCSGC ngày 05/7/2017 về dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Đối tượng thu, nộp, miễn giảm

a) Đối tượng thu: Là các cảng vụ đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền); các cảng vụ hàng hải (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) và cơ quan được ủy quyền khác (nếu có) thực hiện nhiệm vụ quản lý cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng nộp: Các phương tiện thủy nội địa, tàu biển (sau đây gọi là phương tiện) ra, vào hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa (kể cả cảng, bến chuyên dùng) đã được cơ quan nhà nước công bố cấp phép hoạt động.

c) Đối tượng được miễn:

- Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào Mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan Hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của các cơ quan thanh tra giao thông, Cảng vụ đường thủy nội địa;

- Phương tiện tránh bão, cấp cứu;

- Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

2. Mức thu

STT	Nội dung	Mức giá tối đa
1	Dịch vụ trọng tải	
a	Lướt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
b	Lướt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Dịch vụ ra, vào cảng, bến thủy nội địa	
a	Phương tiện chờ hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b	Phương tiện chờ hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chờ khách có sức chờ từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c	Phương tiện chờ hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn hoặc chờ khách có sức chờ từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d	Phương tiện chờ hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chờ khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ	Phương tiện chờ hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e	Phương tiện chờ hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.	50.000 đồng/chuyến

(Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT).

Giao người có thẩm quyền của các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh căn cứ điều kiện, tình hình thực tế trên địa bàn, phê duyệt ban hành quy định mức giá cụ thể để thực hiện nhưng không được vượt giá tối đa quy định tại Biểu mức thu trên.

3. Cơ chế thu, nộp, quản lý và sử dụng

- Số tiền thu giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa do địa phương quản lý là doanh thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

- Khi chính sách, chế độ quy định của Nhà nước thay đổi, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức khảo sát, lập phương án điều chỉnh giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn